

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày: 27-02-2024.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thanh Hiền.
- Ông Nguyễn Bền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:**
Không tham gia.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 359/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Chị Trương Thị Cẩm N – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* **Người làm chứng:**

1/ Anh Đào Văn T – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh Nguyễn Minh P – sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự và người làm chứng có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng A trình bày:*

Do chị N là bạn làm chung công ty với vợ anh là chị Nguyễn Thị Đ, nên anh đã nhiều lần cho chị N mượn tiền, có lần 20.000.000 đồng, có lần 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, mỗi lần cho mượn tiền thì chị N không có làm biên nhận nợ cho anh, khi mượn tiền chị N hứa khi lãnh lương hoặc khi tới lãnh bảo hiểm thất nghiệp sẽ trả tiền cho anh, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Từ lúc mượn tiền cho đến ngày 30/4/2023, chị N chưa trả cho anh được khoản tiền nào nên chị N đã viết biên nhận nợ anh số tiền 40.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho anh 4.000.000 đồng. Đến ngày 30/5/2023, chị N trả cho anh được 4.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Hiện nay chị N còn nợ anh số tiền 36.000.000 đồng.

Đối với ý kiến của chị N cho rằng giữa chị N và chị Đ đã thỏa thuận viết lại biên nhận nợ với số tiền 31.000.000 đồng và hủy bỏ biên nhận nợ 40.000.000 đồng mà chị N mượn của anh là hoàn toàn không đúng vì khoản nợ chị N mượn chị Đ là khoản nợ riêng, không có liên quan gì đến số tiền nợ mà chị N mượn của anh.

Nay anh Hoàng A khởi kiện yêu cầu chị N trả cho anh số tiền 36.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, anh không yêu cầu chị N trả lãi đối với số tiền trên.

** Theo bản tự khai và các biên bản hòa giải bị đơn chị Trương Thị Cẩm N trình bày:*

Chị hoàn toàn không có mượn số tiền 40.000.000 đồng của anh Hoàng A, chị chỉ có mượn của chị Nguyễn Thị Đ (vợ của anh Hoàng A) số tiền 31.000.000 đồng, số tiền này chị mượn nhiều lần, bắt đầu mượn từ năm 2019, mỗi lần mượn tiền thì chị không làm biên nhận, mỗi tháng chị đóng lãi là 2.000.000 đồng (khi trả lãi hai bên không có làm biên nhận). Do chị cũng thiếu nợ nhiều người nên không khả năng đóng lãi, chị đã xin chị Đ cho chị trả vốn và chị Đ kêu chị lên nhà chị Đ viết biên nhận nợ anh Hoàng A số tiền 40.000.000 đồng (chị Đ ghi nội dung và kêu chị viết lại theo đúng nội dung mà Điều đã ghi, chị Đ không có đe dọa, ép buộc chị), thời điểm chị viết biên nhận nợ anh Hoàng A số tiền 40.000.000 đồng chỉ có chị và vợ chồng chị Đ, anh Hoàng A. Chị đã viết biên nhận nợ nêu trên vào tháng 4/2023, chị chỉ viết 01 bản và do phía bên chị Đ giữ, thời điểm viết biên

nhận nợ nêu trên, chị thỏa thuận mỗi tháng trả 4.000.000 đồng và chị đã trả được tháng đầu tiên với số tiền 4.000.000 đồng và ngưng trả cho đến tháng 8/2023 thì chị **Đ** cho người xuống nhà chị lấy tiền và thỏa thuận viết lại biên nhận nợ khác với nội dung là nợ chị **Đ** số tiền 31.000.000 đồng, hai bên thống nhất hủy bỏ biên nhận nợ mà chị đã viết cho anh **Hoàng A** và chị **Đ** hứa trả lại bản chính biên nhận nợ mà chị đã viết cho anh **Hoàng A**. Sau khi ký lại biên nhận nợ cho chị **Đ** thì chị đã trả được 5.000.000 đồng.

Đối với biên nhận nợ với số tiền 33.000.000 đồng mà chị **Đ** cung cấp cho Tòa án đó là chữ ký tên của chị, nhưng khi chị ký nhận nợ thì nội dung biên nhận không thể hiện số tiền mượn. Chị chỉ có ghi 02 biên nhận nợ trong đó 01 biên nhận với số tiền 40.000.000 đồng của anh **Hoàng A** và 01 biên nhận nợ với số tiền 31.000.000 đồng của chị **Đ**. Hai biên nhận nợ nêu trên thực ra chỉ là 01 khoản nợ mà chị đã mượn của chị **Đ**. Chị không yêu cầu trung cầu giám định đối với biên nhận nợ 33.000.000 đồng mà Điều đã cung cấp vì thời điểm đó chị **Đ** kêu chị ký thì chị ký.

Chị chỉ thiếu duy nhất 01 khoản nợ của chị **Đ** là 31.000.000 đồng nên chị không đồng ý với yêu cầu của anh **Hoàng A** đòi chị trả số tiền 36.000.000 đồng.

** Theo bản tự khai và các biên bản hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Đ** trình bày:*

Chị và chị **N** là bạn bè nên chị **N** có nhờ chị hỏi mượn tiền, lúc đó chị có nói anh **Hoàng A** (là chồng của chị) cho chị **N** mượn. Số tiền 40.000.000 đồng mà chị **N** viết biên nhận nợ cho anh **Hoàng A** là tiền chị **N** mượn của anh **Hoàng A** chứ không phải là tiền chị **N** mượn chị.

Vào năm 2021, thì chị **N** cũng nhiều lần mượn tiền của chị với tổng số tiền 31.000.000 đồng. Số tiền 40.000.000 đồng mà chị **N** mượn của anh **Hoàng A** là riêng, không liên quan đến số tiền 31.000.000 đồng mà chị **N** đã mượn của chị. Do chị **N** không trả tiền cho chị nên đầu tháng 8/2023 thì chị **N** có viết biên nhận nợ cho chị với số tiền 31.000.000 đồng, thỏa thuận trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, sau đó chị có nhờ cháu chị tên **Nguyễn Minh P** xuống nhà chị **N** lấy 5.000.000 đồng. Biên nhận nợ mà chị **N** ký nhận với số tiền 31.000.000 đồng thì thời điểm ký nhận biên nhận này thì chị và chị **N** thỏa thuận trả lại biên nhận nợ 33.000.000 đồng mà trước đó chị **N** đã ký. Chị không có thỏa thuận trả lại biên nhận nợ 40.000.000 đồng mà chị **N** đã mượn của anh **Hoàng A**.

Chị không tranh chấp đối với số tiền mà anh **Hoàng A** kiện đòi chị **N**, còn số tiền mà chị **N** nợ chị thì chị không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Đối với đoạn ghi âm mà chị **N** cung cấp cho Tòa án là giọng nói của chị, nhưng nội dung trao đổi về việc trả biên nhận là trả biên nhận 33.000.000 đồng.

** Theo bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 04/01/2024 người làm chứng anh **Đào Văn T** trình bày:*

Anh là chồng của chị **N**, anh hoàn toàn không biết việc chị **N** mượn tiền của chị **Đ**, đến khi vợ chồng chị **Đ** đến nhà đòi nợ thì được biết là chị **N** có nợ số tiền 30.000.000 đồng.

Sau đó anh **P** (tên thường gọi là **L**) có đến nhà đòi nợ thì anh có thỏa thuận anh sẽ trả vốn cho chị **Đ** với điều kiện là trả giấy nợ mà chị **N** đã ký nợ 40.000.000 đồng cùng với thẻ ATM. Khi đó, anh **L** gọi điện thoại cho chị **Đ** và chị **Đ** đồng ý nên chị **N** đã đưa giấy chứng minh nhân dân để anh **L** đem về cho chị **Đ** làm biên nhận nợ. Lần thứ 2 khi anh **L** đến nhà anh thì có đem theo biên nhận nợ với số tiền 31.000.000 đồng cho chị **N** ký và có nhận số tiền 5.000.000 đồng mà chị **N** trả cho chị **Đ**. Thời điểm này chỉ có vợ chồng anh và anh **L**, hoàn toàn không có ai chứng kiến.

** Theo bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 04/01/2024 người làm chứng anh **Nguyễn Minh P** trình bày:*

Anh là cháu ruột của chị **Đ**, anh chỉ có đến gặp chị **N** để đưa biên nhận nợ với số tiền 31.000.000 đồng mà chị **N** nợ chị **Đ** để chị **N** ký nhận và anh có nhận số tiền 5.000.000 đồng mà chị **N** trả cho chị **Đ**.

Anh hoàn toàn không biết gì đối với biên nhận nợ mà chị **N** viết cho anh **Hoàng A**. Thời điểm anh xuống gặp chị **N** thì có vợ chồng chị **N**, anh xuống đưa giấy nợ cho chị **N** ký và nhận 5.000.000 đồng rồi về, anh chỉ có xuống gặp chị **N** có 01 lần.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn anh **Hoàng A** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị **N** trả cho anh số tiền 36.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu chị **N** trả lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn chị **N** vẫn giữ nguyên lời trình bày như nêu trên và chị **N** không đồng ý trả số tiền 36.000.000 đồng theo yêu cầu của anh **Hoàng A**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đ** vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như nêu trên và chị không tranh chấp đối với số tiền 36.000.000 đồng mà anh **Hoàng A** kiện đòi chị **N**, chị không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 31.000.000 đồng mà chị **N** còn nợ chị.

Người làm chứng anh **T**, anh **P** vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh **Hoàng A** khởi kiện đòi chị **N** trả cho anh số tiền 36.000.000 đồng mà chị **N** còn nợ anh. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng A** yêu cầu chị **N** trả cho anh số tiền còn nợ là 36.000.000 đồng. Bị đơn chị **N** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng A** với lý do chị hoàn toàn không có vay tiền của anh **Hoàng A**, biên nhận nợ với số tiền 40.000.000 đồng mà chị ký nhận với anh **Hoàng A** thực tế là số tiền 31.000.000 đồng mà chị vay và còn nợ của chị **Đ**, đồng thời giữa chị và chị **Đ** đã thỏa thuận viết lại biên nhận nợ đề ngày 05/8/2023 để hủy bỏ biên nhận nợ mà chị đã ký nhận với anh **Hoàng A**, chị có chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa chị và chị **Đ** có trao đổi về việc hủy bỏ biên nhận nợ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Đ** xác định số tiền chị **N** nợ anh **Hoàng A** không phải là số tiền mà chị **N** mượn của chị, còn đoạn ghi âm mà chị **Đ** cung cấp cho Tòa án có nội dung hủy bỏ biên nhận nợ là thời điểm chị **N** viết lại biên nhận nợ thống nhất số tiền vốn còn nợ chị 31.000.000 đồng là hai bên thống nhất hủy bỏ biên nhận với số tiền 33.000.000 đồng mà chị **N** đã viết trước đó.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn chị **N** cho rằng giữa chị và anh **Hoàng A** không có việc vay mượn tiền, tuy nhiên biên nhận nợ do anh **Hoàng A** cung cấp thể hiện nội dung “Tôi tên: **Trương Thị Cẩm N**..... Tôi có mượn của ông **Hoàng A**, SN 1989 với số tiền 40.000.000 đồng...” đã xác định chị **N** đã mượn của anh **Hoàng A** số tiền nêu trên, đồng thời chị **N** xác định chị chỉ có viết 02 biên nhận nợ trong đó 01 biên nhận viết cho anh **Hoàng A** và 01 biên nhận viết cho chị **Đ**, khi chị viết biên nhận nợ cho chị **Đ** thì hai bên thỏa thuận hủy bỏ biên nhận đã viết cho anh **Hoàng A**, phía chị **Đ** xác định giữa chị và chị **N** thỏa thuận hủy bỏ biên nhận nợ 33.000.000 đồng mà chị **N** đã viết trước đó, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung đoạn ghi âm mà chị **N** cung cấp không xác định giữa hai bên thỏa thuận hủy bỏ biên nhận nợ đã viết cho anh **Hoàng A** hay hủy bỏ biên nhận nợ với số tiền 33.000.000 đồng mà chị đã viết cho chị **Đ**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng A** đối với chị **N** là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **Hoàng A** đòi chị **N** trả số tiền 36.000.000 đồng.

[3] Về thời gian trả: Anh **Hoàng A** yêu cầu chị **N** trả số tiền còn nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, thời điểm hai bên viết biên nhận nợ đã thỏa thuận chị **N** có nghĩa vụ mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, nhưng chị **N** chỉ trả được 01 tháng rồi ngưng cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị **N** vi phạm thỏa thuận trả nợ đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh **Hoàng A**. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **Hoàng A** và buộc chị **N** có nghĩa vụ trả cho anh **Hoàng A** số tiền 36.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Anh **Hoàng A** không yêu cầu chị **N** trả lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đối với số tiền chị **N** nợ chị **Đ**, phía chị **Đ** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Hoàng A** đối với chị **Trương Thị Cẩm N**.

Buộc chị **N** có nghĩa vụ trả cho anh **Hoàng A** số tiền 36.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh **Hoàng A** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị **N** chậm trả số tiền nêu trên thì chị **N** còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Chị **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại anh **Hoàng A** số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0011954 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh